CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH – THƯƠNG MẠI
TÂY NINH

Số: 09/2022/TTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Kính gửi:

- **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;**
- **Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.**

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Mã chứng khoán: TTT

Địa chỉ trụ sở chính: 1253 Cách mạng tháng 8, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 0276.3822376

Website: http://tanitour.com.vn

Email: tanitour.tayninh@gmail.com

Người được ủy quyền CBTT: ông Phan Thanh Trung

Chức danh: Phó phòng HCNS

Loại thông tin công bố:

☒Định kỳ ☐24h ☐Bất thường ☐Theo yêu cầu ☐Khác

Nội dung thông tin công bố:

1. Báo cáo tài chính riêng năm 2021 (đã được kiểm toán)
2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 (đã được kiểm toán)

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 21/03/2022 tại đường dẫn http://tanitour.com.vn

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

Tây Ninh, ngày 21/03/2022
Người được Ủy quyền Công bố thông tin
(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)

M.S.D.N: 3900244068 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH-THƯƠNG MẠI TÂY NINH
TP. TÂY NINH - T. TÂY NINH

Phan Thanh Trung

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH
Ký ngày: 21/3/2022 09:27:21

Báo cáo Tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo Tài chính riêng đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán riêng	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	09-28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh tiền thân là Công ty Du lịch Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh và được cổ phần hóa theo Quyết định số 328/QĐ-CT ngày 13/04/2006 và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/03/2006 về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty Du lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh.

Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244068 ngày 05 tháng 02 năm 2007 và giấy phép sửa đổi lần thứ 13 ngày 29 tháng 06 năm 2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Lâm Nhi Thùy	Chủ tịch	
Ông Trịnh Văn Hà	Phó Chủ tịch	
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 22/06/2021)
Ông Võ Trần Chí Thịnh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 22/06/2021)
Ông Phạm Hùng Cường	Thành viên	

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Trần Thị Hiền	Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Minh Nam	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Lý Bình Hòa	Thành viên
Bà Bùi Thị Lâu	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ

kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 3900244063 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH-THƯƠNG MẠI TÂY NINH
TP. TÂY NINH - T. TÂY NINH

Trần Thị Hiền
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 21 tháng 03 năm 2022

Số: 210322.001/BCTC.FIS2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh được lập ngày 21 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Thị Ngọc Dung	**Đinh Quang Trung**
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0659-2018-002-1	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 3681-2017-002-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**88.890.723.521**	**97.811.983.697**
110	**I. Tiền và tương đương tiền**	3	**19.201.815.095**	**13.875.547.817**
111	1. Tiền		901.815.095	3.075.547.817
112	2. Các khoản tương đương tiền		18.300.000.000	10.800.000.000
130	**II. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**68.972.976.782**	**83.426.695.719**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	1.009.672.738	1.039.699.207
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	433.432.810	313.143.636
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	67.000.000.000	79.800.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	529.871.234	2.470.402.676
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	-	(196.549.800)
140	**III. Hàng tồn kho**	9	**619.099.826**	**368.475.407**
141	1. Hàng tồn kho		619.099.826	368.475.407
150	**IV. Tài sản ngắn hạn khác**		**96.831.818**	**141.264.754**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	17.396.035	110.113.903
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		79.435.783	31.150.851
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**34.088.675.176**	**38.665.226.180**
220	**I. Tài sản cố định**		**6.535.002.716**	**10.749.733.936**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	6.535.002.716	10.728.966.018
222	*- Nguyên giá*		*18.964.394.141*	*22.877.470.981*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(12.429.391.425)*	*(12.148.504.963)*
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	20.767.918
228	*- Nguyên giá*		-	*77.000.000*
229	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		-	*(56.232.082)*
230	**II. Bất động sản đầu tư**	13	**2.155.628.738**	**2.439.887.473**
231	*- Nguyên giá*		*4.246.520.993*	*4.246.520.993*
232	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(2.090.892.255)*	*(1.806.633.520)*
250	**III. Đầu tư tài chính dài hạn**		**24.931.910.430**	**24.931.910.430**
251	1. Đầu tư vào công ty con	6	24.931.910.430	24.931.910.430
260	**IV. Tài sản dài hạn khác**		**466.133.292**	**543.694.341**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	466.133.292	543.694.341
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**122.979.398.697**	**136.477.209.877**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**12.513.256.417**	**21.504.312.221**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**12.413.256.417**	**21.404.312.221**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	8.502.632.862	15.412.435.993
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	268.179.657	993.200.300
314	3. Phải trả người lao động		1.951.622.688	2.343.779.898
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		142.666.500	268.016.010
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		227.727.279	227.727.273
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	11	1.307.599.006	2.146.324.322
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		12.828.425	12.828.425
330	**II. Nợ dài hạn**		**100.000.000**	**100.000.000**
337	1. Phải trả dài hạn khác	11	100.000.000	100.000.000
400	**B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**110.466.142.280**	**114.972.897.656**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**16**	**109.808.024.941**	**111.126.551.982**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		45.702.100.000	45.702.100.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*45.702.100.000*	*45.702.100.000*
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		24.537.406.213	24.537.406.213
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		39.568.518.728	40.887.045.769
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*31.746.625.769*	*28.912.307.172*
421b	*- LNST chưa phân phối năm nay*		*7.821.892.959*	*11.974.738.597*
430	**II. Nguồn kinh phí và quỹ khác**		**658.117.339**	**3.846.345.674**
431	1. Nguồn kinh phí	17	346.613.224	1.750.284.156
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		311.504.115	2.096.061.518
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**122.979.398.697**	**136.477.209.877**

Lê Văn Công	**Trần Thị Phượng**	**Trần Thị Hiền**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 21 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**19**	**36.196.665.738**	**43.880.416.770**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	761.953.135	58.956.000
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**35.434.712.603**	**43.821.460.770**
11	**4. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**21**	**30.106.955.111**	**35.126.730.892**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**5.327.757.492**	**8.694.729.878**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	9.466.654.825	16.226.590.194
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	23	1.586.522.553	4.133.453.323
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	5.713.030.220	9.449.529.669
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**7.494.859.544**	**11.338.337.080**
31	11. Thu nhập khác	25	1.822.166.396	1.332.415.729
32	12. Chi phí khác	26	721.412.732	295.912.812
40	**13. Lợi nhuận khác**		**1.100.753.664**	**1.036.502.917**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**8.595.613.208**	**12.374.839.997**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	773.720.249	400.101.400
60	**16. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**7.821.892.959**	**11.974.738.597**

Lê Văn Công	**Trần Thị Phượng**	**Trần Thị Hiền**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 21 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**8.595.613.208**	**12.374.839.997**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		3.502.894.820	3.518.824.926
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(196.549.800)	-
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(9.455.117.093)	(16.086.413.748)
08	**Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**2.446.841.135**	**(192.748.825)**
09	Giảm các khoản phải thu		83.002.163	1.720.153.285
10	(Tăng)/Giảm hàng tồn kho		(250.624.419)	1.518.465.643
11	(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		(9.136.014.653)	7.737.651.116
12	Giảm chi phí trả trước		170.278.917	540.233.857
15	Thuế TNDN đã nộp		(667.901.400)	(433.025.304)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.461.955.800	7.955.724.800
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(6.865.626.732)	(6.368.883.461)
20	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh**		**(8.758.089.189)**	**12.477.571.111**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(800.000.000)	(3.536.751.628)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	1.332.533.320
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(67.000.000.000)	(15.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		79.800.000.000	5.000.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	2.538.452.859
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia		11.185.636.467	15.198.925.553
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**23.185.636.467**	**5.533.160.104**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(9.101.280.000)	(13.666.740.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) hoạt động tài chính**		**(9.101.280.000)**	**(13.666.740.000)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**5.326.267.278**	**4.343.991.215**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**13.875.547.817**	**9.531.556.602**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		-	-
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**3**	**19.201.815.095**	**13.875.547.817**

Lê Văn Công	**Trần Thị Phượng**	**Trần Thị Hiền**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 21 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh tiền thân là Công ty Du lịch Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh, và được cổ phần hóa theo Quyết định số 328/QĐ-CT ngày 13/04/2006 và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/03/2006 về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty Du lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh.

Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244068 ngày 05 tháng 02 năm 2007 và giấy phép sửa đổi lần thứ 13 ngày 29 tháng 06 năm 2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 45.702.100.000 VND, tương đương 4.570.210 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Mã cổ phiếu: TTT.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 88 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 77 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và cung cấp dịch vụ.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Năm 2021, Công ty vẫn tiếp tục thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như kinh doanh nước giải khát, dịch vụ vận chuyển xe điện, dịch vụ giữ xe và dọn vệ sinh cảnh quan khu vực Núi Bà. Do tiếp tục chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Khu du lịch Núi Bà dừng hoạt động từ ngày 29/05/2021 theo Công văn số 1659/UBND-KGVX ngày 29/05/2021 của UBND Tỉnh Tây Ninh và kéo dài sang năm 2022. Điều đó dẫn đến Doanh thu và Lợi nhuận gộp năm 2021 của Công ty giảm mạnh so với năm trước. Để khắc phục tình trạng này, Công ty đã thực hiện cắt giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm nhưng kết quả kinh doanh năm 2021 vẫn giảm mạnh so vơi năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin về công ty con của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty và Công ty con.

2.4 Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào các công ty con khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm tài chính căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình (TSCĐ) được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành các tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

▸ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
▸ Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
▸ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
▸ Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
▸ TSCĐ Khác	04 – 08 năm

2.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▸ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm

2.10 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 05 tháng đến 36 tháng.

2.12 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêngcăn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí kiểm toán, chi phí tiền ăn nhân viên, và một số chi phí khác,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và thưởng ban điều hành.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua; và
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; và
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, thanh lý các khoản đầu tư tài chính và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.18 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Ưu đãi thuế TNDN

Theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021, Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp trong năm.

2.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ chỉ diễn ra tại khu vực Núi Bà tỉnh Tây Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	100.080.563	1.770.653.858
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	801.734.532	1.304.893.959
Các khoản tương đương tiền (*)	18.300.000.000	10.800.000.000
	19.201.815.095	**13.875.547.817**

(*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 3% - 3,5%/năm.

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	498.488.287	-
Công ty CP Mặt Trời Tây Ninh - CN Sun World Tây Ninh	510.729.451	708.946.623
Khác	455.000	330.752.584
	1.009.672.738	**1.039.699.207**
Trong đó, bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	**-**	**147.884.915**

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	396.604.810	39.600.000
Khác	36.828.000	273.543.636
	433.432.810	**313.143.636**

6. Đầu tư vào công ty con

		31/12/2021			01/01/2021		
	Mã chứng khoán	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	TCT	24.931.910.430	246.534.624.000	-	24.931.910.430	198.271.232.000	-
		24.931.910.430	**246.534.624.000**	**-**	**24.931.910.430**	**198.271.232.000**	**-**

(*) Tại thời điểm 01/01/2021 và 31/12/2021, Công ty sở hữu 6.522.080 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh (Mã cổ phiếu: TCT) với giá đóng cửa trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là 30.400 VND/cổ phiếu tại ngày 31/12/2020 và 37.800 VND/cổ phiếu tại ngày 31/12/2021.

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	Núi Bà Đen, khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	51,00%	Dịch vụ vận chuyển du lịch

7. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Cho vay tổ chức (i)	67.000.000.000	79.800.000.000
	67.000.000.000	**79.800.000.000**

(i) Khoản cho vay các tổ chức với mục đích bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định pháp luật với thời hạn 06 tháng, lãi suất 6,5%/năm.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay	522.871.234	-	2.241.852.876	-
Khác	7.000.000	-	228.549.800	(196.549.800)
	529.871.234	**-**	**2.470.402.676**	**(196.549.800)**

9. Hàng tồn kho

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Hàng hóa	619.099.826	361.989.474
Nguyên liệu, vật liệu	-	6.485.933
	619.099.826	**368.475.407**

10. Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	11.016.000	56.110.003
Chi phí khác	6.380.035	54.003.900
	17.396.035	**110.113.903**
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản	425.694.465	475.079.253
Chi phí khác	40.438.827	68.615.088
	466.133.292	**543.694.341**

11. Phải trả khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn		
Tiền bán vé cáp treo phải trả Công ty CP Mặt Trời Tây Ninh - Chi nhánh Sun World Tây Ninh	139.250.000	1.096.060.000
Tiền bảo hành Công trình	866.381.551	826.027.051
Cổ tức phải trả	215.093.000	175.953.000
Kinh phí công đoàn	34.892.905	8.543.275
Các khoản phải trả, phải nộp khác	51.981.550	39.740.996
	1.307.599.006	**2.146.324.322**
Dài hạn		
Tiền đặt cọc cho thuê văn phòng	100.000.000	100.000.000
	100.000.000	**100.000.000**
Trong đó, bên liên quan	**215.093.000**	**175.953.000**
(Thuyết minh số 30)		

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 31/12/2020	6.647.604.319	271.284.607	9.119.172.292	2.769.927.118	4.069.482.645	22.877.470.981
Mua mới trong năm	800.000.000	120.231.998	75.000.000		-	995.231.998
Bàn giao cho BQL Khu du lịch Quốc gia Núi Bà Đen (*)	(814.344.103)	(27.587.340)	-	(28.694.750)	(4.037.682.645)	(4.908.308.838)
Tại ngày 31/12/2021	**6.633.260.216**	**363.929.265**	**9.194.172.292**	**2.741.232.368**	**31.800.000**	**18.964.394.141**
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 31/12/2020	2.535.843.937	159.983.210	5.673.387.343	1.247.553.800	2.531.736.673	12.148.504.963
Khấu hao trong năm	919.970.673	22.755.018	1.454.142.418	812.537.790	-	3.209.405.899
Hao mòn tài sản nguồn ngân sách	-	10.560.384	18.753.302	7.115.527	4.106.942	40.536.155
Bàn giao cho BQL Khu du lịch Quốc gia Núi Bà Đen (*)	(399.567.180)	(17.242.080)	-	(28.694.740)	(2.523.551.592)	(2.969.055.592)
Tại ngày 31/12/2021	**3.056.247.430**	**176.056.532**	**7.146.283.063**	**2.038.512.377**	**12.292.023**	**12.429.391.425**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 31/12/2020	4.111.760.382	111.301.397	3.445.784.949	1.522.373.318	1.537.745.972	10.728.966.018
Tại ngày 31/12/2021	**3.577.012.786**	**187.872.733**	**2.047.889.229**	**702.719.991**	**19.507.977**	**6.535.002.716**

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 300.987.896 VND.

- Trong số TSCĐ của Công ty có bao gồm các tài sản mua mới từ nguồn thu phí lệ phí để phục vụ hoạt động thu phí tham quan di tích lịch sử, thắng cảnh núi Bà Đen với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại ngày 31/12/2021 lần lượt là 396.731.998 VND và 85.227.883 VND. Giá trị còn lại của các tài sản này tại ngày 31/12/2021 là 311.504.115 VND được ghi nhận vào Mã số 432 – Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ trên Bảng cân đối kế toán riêng.

(*) Ngày 28/10/2015, Ban Quản lý Khu di lịch Quốc gia Núi Bà Đen đã bàn giao các tài sản cố định như đường nội khu, phòng vé và một số tài sản khác theo Biên bản số 16/BB-BQL cho Công ty quản lý và sử dụng để phục vụ hoạt động thu phí thăm quan. Tuy nhiên, căn cứ theo Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản ngày 18/01/2021, các tài sản cố định này đã được bàn giao và trả lại cho Ban Quản lý Khu du lịch Quốc gia Núi Bà Đen. Giá trị còn lại của các tài sản này được ghi giảm tương ứng vào mã số 432 – Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ trên Bảng cân đối kế toán riêng.

13. Bất động sản đầu tư

Tại thời điểm 31/12/2021, bất động sản đầu tư là nhà văn phòng cho thuê tại đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng Thái Dương	7.116.698.823	7.116.698.823	7.116.698.823	7.116.698.823
Công ty TNHH MTV Cây xanh Phú Đạt	406.600.000	406.600.000	1.830.540.000	1.830.540.000
Công ty TNHH Cung ứng hàng hóa Thăng Long	516.412.739	516.412.739	-	-
Khác	462.921.300	462.921.300	6.465.197.170	6.465.197.170
	8.502.632.862	**8.502.632.862**	**15.412.435.993**	**15.412.435.993**

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021	Năm 2021		31/12/2021
	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND
Phí tham quan (i)	782.476.800	17.289.126.400	18.071.603.200	-
Thuế giá trị gia tăng	-	1.662.830.533	1.662.830.533	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	150.101.400	773.720.249	667.901.400	255.920.249
Thuế thu nhập cá nhân	4.327.811	306.682.016	304.877.746	6.132.081
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	159.246.944	159.246.944	-
Các loại thuế, phí khác	56.294.289	152.184.753	202.351.715	6.127.327
	993.200.300	**20.343.790.895**	**21.068.811.538**	**268.179.657**

(i) Theo Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc quy định tạm thời tỷ lệ phần trăm để lại cho đơn vị thu phí tham quan di tích lịch sử, thắng cảnh núi Bà Đen:

- 20% trên tổng số phí thu được từ phí tham quan này dùng để chi cho dự toán kinh phí hoạt động của bộ phận phòng vé, kiểm soát vé và bộ phận khác có liên quan đến việc thu phí và phải quyết toán với Sở Tài chính hàng năm; nếu trong năm tài chính không sử dụng hết thì sẽ được chuyển sang năm sau sử dụng và được ghi nhận vào Mã số 431 – Nguồn kinh phí trên Bảng cân đối kế toán riêng (Thuyết minh số 17).
- 80% trên tổng số phí thu được còn lại phải nộp lại ngân sách để chi cho việc tổ chức Hội xuân núi Bà và chi cho việc nâng cấp, sửa chữa các hạng mục công trình tại Khu di tích lịch sử văn hóa – danh thắng và Du lịch núi Bà Đen.

Theo đó, Công ty ghi nhận 80% số phí thu được phải nộp ngân sách nhà nước vào khoản mục Thuế và các khoản phải nộp nhà nước này.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	**45.702.100.000**	**41.431.078.251**	**42.622.937.172**	**129.756.115.423**
Lợi nhuận năm trước	-	-	11.974.738.597	11.974.738.597
Chia cổ tức năm 2019	-	-	(13.710.630.000)	(13.710.630.000)
Giảm khác	-	(16.893.672.038)	-	(16.893.672.038)
Tại ngày 31/12/2020	**45.702.100.000**	**24.537.406.213**	**40.887.045.769**	**111.126.551.982**
Lợi nhuận năm nay	-	-	7.821.892.959	7.821.892.959
Chia cổ tức năm 2020 (*)	-	-	(9.140.420.000)	(9.140.420.000)
Tại ngày 31/12/2021	**45.702.100.000**	**24.537.406.213**	**39.568.518.728**	**109.808.024.941**

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 31/2021/NQ-ĐHCĐ/TTT ngày 22/06/2021 Công ty công bố việc chia cổ tức năm 2020 là 9.140.420.000 VND tương ứng tỷ lệ 20% trên vốn điều lệ.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021	Tỷ lệ vốn góp	01/01/2021	Tỷ lệ vốn góp
	VND	%	VND	%
Công ty CP Địa Cầu	11.197.010.000	24,50%	11.197.010.000	24,50%
Công ty TNHH Olympia	10.968.500.000	24,00%	10.968.500.000	24,00%
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Ánh Dương	10.968.500.000	24,00%	10.968.500.000	24,00%
Các cổ đông khác	12.568.090.000	27,50%	12.568.090.000	27,50%
	45.702.100.000	**100,00%**	**45.702.100.000**	**100,00%**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	*45.702.100.000*	*45.702.100.000*
- Vốn góp cuối năm	*45.702.100.000*	*45.702.100.000*
Cổ tức:		
- Cổ tức phải trả đầu năm	*175.953.000*	*132.063.000*
- Cổ tức phải trả trong năm		
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	9.140.420.000	13.710.630.000
- Cổ tức đã chi trả bằng tiền		
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	9.101.280.000	13.666.740.000
- Cổ tức phải trả cuối năm	215.093.000	175.953.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.570.210	4.570.210
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.570.210	4.570.210
- Cổ phiếu phổ thông	*4.570.210*	*4.570.210*
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.570.210	4.570.210
- Cổ phiếu phổ thông	*4.570.210*	*4.570.210*

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/ cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

Tại ngày 31/12/2021, các quỹ của Công ty bao gồm Quỹ đầu tư phát triển thuộc vốn chủ sở hữu với số dư là 24.537.406.213 VND.

17. Nguồn kinh phí

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Nguồn kinh phí đầu năm	**1.750.284.156**	**3.382.467**
Phí tham quan thu trong năm	21.611.408.000	33.624.728.000
Thu hộ tiền điện, phí khác trong năm	1.139.674.200	1.230.779.200
Phí tham quan phải nộp ngân sách trong năm	(17.289.126.400)	(26.899.782.400)
Chi sự nghiệp trong năm	(6.865.626.732)	(6.208.823.111)
Nguồn kinh phí cuối năm	**346.613.224**	**1.750.284.156**

18. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động

Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh:

- Hợp đồng thuê đất số 04/04/HĐTĐ tại đường Cách Mạng Tháng Tám phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê 50 năm từ năm 2006.

Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hợp đồng thuê tài sản số 20A/2021/HDTTS/STN-TTT ngày 01/01/2021 thuê công trình hạ tầng, công trình hiện trạng của bãi gửi xe tại Khu Du lịch Quốc gia Núi Bà Đen để phục vụ hoạt động kinh doanh, thời hạn thuê từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021.

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hoạt động bán hàng hóa	8.218.585.985	11.935.410.674
Hoạt động cung cấp dịch vụ vận chuyển	4.151.218.181	3.617.600.004
Hoạt động cung cấp dịch vụ giữ xe các loại	4.059.887.272	5.474.191.811
Hoạt động cung cấp dịch vụ dọn vệ sinh, cảnh quan	15.191.298.681	14.882.029.239
Khác	4.575.675.619	7.971.185.042
	36.196.665.738	**43.880.416.770**
Trong đó, doanh thu với các bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	**6.222.243.227**	**4.550.269.673**

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	589.225.862	58.956.000
Giảm giá hàng bán	172.727.273	-
	761.953.135	**58.956.000**

21. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Hoạt động bán hàng hóa	6.496.896.498	10.067.933.285
Hoạt động cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.870.932.136	3.271.999.625
Hoạt động cung cấp dịch vụ giữ xe các loại	5.669.746.744	5.140.787.198
Hoạt động cung cấp dịch vụ dọn vệ sinh, cảnh quan	13.621.103.422	15.035.466.574
Khác	1.448.276.311	1.610.544.210
	30.106.955.111	**35.126.730.892**
Trong đó, giá vốn với bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	**236.990.693**	**456.991.946**

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	6.205.614.825	6.433.017.335
Cổ tức được chia	3.261.040.000	9.783.120.000
Thu nhập từ giải thể Công ty CP Lữ hành Tây Ninh	-	10.452.859
	9.466.654.825	**16.226.590.194**
Trong đó, doanh thu tài chính từ bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	**3.261.040.000**	**9.783.120.000**

23. Chi phí bán hàng

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	673.003.541	602.644.025
Chi phí khấu hao TSCĐ	280.095.621	390.667.968
Chi phí dịch vụ mua ngoài	591.881.674	2.712.981.075
Chi phí bằng tiền khác	41.541.717	427.160.255
	1.586.522.553	**4.133.453.323**

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lương nhân viên	3.890.687.409	3.396.388.459
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.052.918.558	4.421.106.542
Chi phí bằng tiền khác	769.424.253	1.632.034.668
	5.713.030.220	**9.449.529.669**
Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp mua từ bên *(Thuyết minh số 30)*	**13.144.211**	**-**

25. Thu nhập khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Các khoản chiết khấu bia, nước giải khát và trưng bày sản phẩm từ nhà cung cấp	1.348.880.000	1.122.889.000
Khác	473.286.396	209.526.729
	1.822.166.396	**1.332.415.729**

26. Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí trưng bày sản phẩm	309.875.000	-
Khác	411.537.732	295.912.812
	721.412.732	**295.912.812**

30. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Các cổ đông khác	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	Công ty con
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Điều hành

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**6.222.243.227**	**4.550.269.673**
Công ty CP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	6.222.243.227	4.550.269.673
Mua hàng hóa, dịch vụ	**250.134.904**	**456.991.946**
Công ty CP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	250.134.904	456.991.946
Chi trả cổ tức	**9.101.280.000**	**13.666.740.000**
Các cổ đông	9.101.280.000	13.666.740.000
Nhận cổ tức	**3.261.040.000**	**9.783.120.000**
Công ty CP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	3.261.040.000	9.783.120.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	**-**	**147.884.915**
Công ty CP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	-	147.884.915
Phải trả khác	**215.093.000**	**175.953.000**
Các cổ đông	215.093.000	175.953.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị	836.544.000	836.544.000
Thu nhập của Ban kiểm soát	427.200.000	427.200.000
Thu nhập của Tổng Giám đốc	460.924.256	374.094.760
	1.724.668.256	**1.637.838.760**

31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

32. Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 21 tháng 03 năm 2022.

Lê Văn Công	**Trần Thị Phượng**	**Trần Thị Hiền**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 21 tháng 03 năm 2022